

Số: 256/2019/QĐST-HNGĐ

Quận 2, ngày 04 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212; Điều 213; Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 374/2019/HNST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Ông Trần Quang T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 45/30, đường A, Khu phố B, phường C, Quận D, Thành phố H.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Bà Nguyễn Yến N, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 02, Đường A1, Khu phố B1, phường C1, Quận D1, Thành phố H.

H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Quận 2 nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Biên bản hòa giải thành tại Trung tâm Hòa giải - Đối thoại ngày 27/8/2019 và Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân Quận 2 nhận thấy:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 52, Quyển số 01/2014 ngày 10/5/2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận D, Thành phố H thì quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Quang T và bà Nguyễn Yến N là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp.

Trong thời gian chung sống vợ chồng ông T và bà N không hạnh phúc do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, lối sống. Ông T và bà N đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành, cả hai không còn yêu thương nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn để ổn định cuộc sống, chăm lo cho các con.

Xét quan hệ hôn nhân của ông T và bà N là không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của cả hai là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Ông Trần Quang T và bà Nguyễn Yến N xác nhận có 01 con chung tên là Trần Trúc N, sinh ngày 22/3/2016. Hai bên thống nhất giao con chung cho bà Nguyễn Yến N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông T và bà N thỏa thuận ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ ngày 15/9/2019.

Quyền và nghĩa vụ của ông Thanh, bà N về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện theo qui định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Hai bên thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Trần Quang T tự nguyện chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Quang T, sinh năm 1989 và bà Nguyễn Yến N, sinh năm 1991.

Quan hệ hôn nhân của ông Trần Quang T và bà Nguyễn Yến N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52, Quyền số 01/2014 ngày 10/5/2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông Trần Quang T và bà Nguyễn Yến N có 01 con chung là trẻ Trần Trúc Như, sinh ngày 22/3/2016. Hai bên thống nhất giao con chung cho bà Nguyễn Yến N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông T và bà N thoả thuận ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ ngày 15/9/2019.

Quyền và nghĩa vụ của ông Thạnh, bà N về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện theo qui định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Hai bên thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Thạnh, bà N tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), ông Trần Quang T tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền đã nộp 300.000 đồng

theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2017/0016728 ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Ông T đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 2
- Ủy ban nhân dân phường C, Quận D, Thành phố H ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Dung